

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 21/8/2025.

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Thanh Tú** và ông **Hoàng Đình Long**

Thư ký phiên toà: Bà **Lưu Thị Quỳnh** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà **Đinh Thị Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Triệu Thị H** - sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là: thôn K, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn) (vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh **Đinh Lâm T** - sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là: thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn) (vắng mặt không có lý do).

3. Những người làm chứng:

- Ông **Đinh Lâm T1**, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

- Ông **Triệu Văn H1**, sinh năm 1973

- Bà **Lương Thị T2**, sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

(Tất cả những người làm chứng, Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn Triệu Thị H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị và anh Đinh Lâm T có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 02/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã N, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn, rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn phát sinh từ việc anh T không có ý thức xây dựng gia đình, đặc biệt trong vấn đề làm ăn lo kinh tế, anh T hay chơi lô đề, tài xỉu làm hao hụt kinh tế gia đình, không đóng góp cùng chị chăm lo con cái và các công việc chung trong gia đình. Từ những vấn đề như vậy dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, xảy ra nhiều cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn và được hai bên gia đình hoà giải, động viên, nhưng không thành, vợ chồng không thể hàn gắn được, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, không liên lạc với nhau, mỗi người một cuộc sống riêng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** chị và anh T có 01 (một) con chung là Đinh Triệu Ngọc Á – sinh ngày 05/5/2021, hiện con đang ở với chị H, con khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tính ổn định, cũng như đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con chung, vì chị tự xét thấy bản thân đủ điều kiện nuôi con: chị có công việc và thu nhập ổn định (hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình 10 triệu/tháng), chị cùng chung sống với bố mẹ đẻ ở thôn K, xã N, tỉnh Thái Nguyên, bố mẹ chị đồng ý cho chị và con gái chị cùng chung sống và hỗ trợ chị trong việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Thời gian qua con gái chị khoẻ mạnh, phát triển bình thường, được học tập, giáo dục đầy đủ, điều này phản ánh khả năng điều kiện nuôi con của chị. Từ khi sinh ra đến nay, con gái đều do chị chăm lo, nuôi dưỡng, anh T không thường xuyên quan tâm hỏi han con, do đó con chung ở với chị sẽ đảm bảo tính ổn định, cũng như đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con chung. Chị không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập theo địa chỉ thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên) nhưng không thấy anh T có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, anh T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã nhiều lần đến địa chỉ nơi cư trú của anh T để giao, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không lần nào gặp được anh T. Chính vì vậy, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo các giấy tờ, văn bản tố tụng cho anh T. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà. Ngoài ra Tòa án cũng tiến hành làm việc với ông Đinh Lâm T1 (là bố đẻ

của anh T), ông T1 đã nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Toà án và đã thông tin cho anh T biết nội dung của các văn bản, anh T đã biết và hiểu rõ yêu cầu khởi kiện của chị H.

* Tại phiên toà:

- Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Triệu Thị H:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị H được ly hôn anh Đinh Lâm T.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Đinh Triệu Ngọc Á – sinh ngày 05/5/2021 cho chị Triệu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Đinh Triệu Ngọc Á đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị H không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: không xem xét.

+ Về nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[I] **Về thủ tục tố tụng:** nguyên đơn Triệu Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Đinh Lâm T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1, Điều 228/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Triệu Thị H, bị đơn Đinh Lâm T.

[II] **Về nội dung:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** chị Triệu Thị H và anh Đinh Lâm T kết hôn ngày 02/12/2020 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã N, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn, rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn và được hai bên gia đình hoà giải, động viên, nhưng không thành, vợ chồng không thể hàn gắn được, từ tháng 10/2023 đến nay chị H và anh T sống ly thân. Quá trình ly thân, chị H và anh T mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn giữa chị H và anh T có bố đẻ của anh T là ông Đinh Lâm T1 và bố mẹ đẻ của chị H là ông Triệu Văn H1, bà Lương Thị T2 biết. Nay chị H khẳng định không còn tình cảm với anh T

nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Như vậy, phải khẳng định rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã có nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, anh chị không còn tiếng nói chung, với tình trạng cuộc sống như vậy, xét thấy có vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng – vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T.

[2] **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** chị H và anh T có 01 (một) con chung là Đinh Triệu Ngọc Á – sinh ngày 05/5/2021, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy: lâu nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con; chị H có công việc, thu nhập ổn định (công nhân, thu nhập trung bình 8 - 9 triệu/01 tháng - có bảng sao kê ngân hàng), có ông bà ngoại tạo điều kiện, giúp đỡ trong việc nuôi dưỡng con. Tòa án không tiến hành làm việc được với anh T, anh T không cung cấp thông tin cho Tòa án, nên Tòa án không xác định được cụ thể về điều kiện nuôi con của anh T. Xét về điều kiện nuôi con của chị H là đảm bảo, để cho cháu được phát triển lành mạnh, ổn định về mọi mặt, cần chấp nhận yêu cầu của chị H: giao con chung Đinh Triệu Ngọc Á cho chị Triệu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Đinh Triệu Ngọc Á đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về tài sản chung:** chị H không yêu cầu giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về nợ chung:** chị H không yêu cầu giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** nguyên đơn Triệu Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4, Điều 147/BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[III] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật - được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:**

1. **Về quan hệ hôn nhân:** chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Triệu Thị H: chị Triệu Thị H được ly hôn anh Đinh Lâm T.

2. **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:**

Giao con chung: Đình Triệu Ngọc Á, sinh ngày 05/5/2021 cho chị Triệu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Đình Triệu Ngọc Á đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị H không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không xem xét

4. Về nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: chị Triệu Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000003696445, ngày 09/4/2025 qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn Triệu Thị H, bị đơn Đình Lâm T – đều vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (01)
- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên (02)
- UBND xã Nghiên Loan, tỉnh Thái Nguyên
- (Nơi ĐKKH) (01)
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu HS (01)
- Lưu VP (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang

